

Số: 11/2024/QĐST - DS

Sóc Sơn, ngày 21 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản L1 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13/3/2024 về việc các đương sự đã thoả Thận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ L1 số: 112/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 6 năm 2023.

**XÉT THẤY**

Các thoả Thận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 13/3/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả Thận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Thận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

I. Công nhận sự thoả Thận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Vũ Thị L**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: **Luật sư Hoàng Đức P** - Công ty Luật TNHH KHT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: **Ông Vũ Kim T**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu T, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Vũ Thị L1**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, Hà Nội;

- **Ông Vũ Mạnh H**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số Z, ngõ Y, PD, quận BTL, thành phố Hà Nội;

- **Bà Cao Thị H1**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- **Chị Vũ Thị Hoài Th**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TM, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- **Anh Vũ Mạnh L2**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, anh L2: **Bà Cao Thị H1**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả Thận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Người để lại di sản thừa kế và thời điểm mở thừa kế:

- Cụ Vũ Văn M, sinh năm 1920 - chết năm 2018;

- Cụ cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 2025 - chết năm 1990.

2. Về hàng thừa kế:

Hàng thừa thứ nhất của cụ Vũ Văn M và cụ Nguyễn Thị B bao gồm:

- Ông Vũ Kim T, sinh năm 1952;

- Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1955 - chết năm 2008. Hàng thừa kế thế vị của ông Vũ Văn T2 là chị Vũ Thị Hoài Th và anh Vũ Mạnh L2.

- Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1957;

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1965;

- Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1968;

3. Di sản thừa kế của cụ Vũ Văn M và cụ Nguyễn Thị B gồm:

- 01 thửa đất số 222, tờ bản đồ 05, diện tích 600m<sup>2</sup> tại thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0199595 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 16/02/1995 cho cụ Vũ Văn M. Các

bên thống nhất thực hiện quy định của pháp luật về hạn mức đất ở tại địa phương là 300m<sup>2</sup>, phần diện tích còn lại là đất vườn liền kề.

- 01 thửa đất ao số 233, tờ bản đồ 05 tại Thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0199595 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 16/02/1995 cho cụ Vũ Văn M. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự đề nghị chia thửa đất này theo hiện trạng sử dụng đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0199595 nêu trên với diện tích thực đo là: 488m<sup>2</sup> và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0199595 hiện gia đình ông Kh và gia đình ông H đang quản lý, sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về các công trình và cây cối lâm lộc trên thửa đất số 222, tờ bản đồ 05 nêu trên.

4. Các bên thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như sau:

4.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự chia thửa đất số 222, tờ bản đồ 05 và thửa đất số 233, tờ bản đồ 05 làm 04 phần:

+ Ông Vũ Kim T được hưởng 01 một phần di sản.

+ Bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H, bà Vũ Thị L1 và các đồng thừa kế của ông Vũ Văn T2 là chị Vũ Thị Hoài Th, anh Vũ Mạnh L2 đồng sở hữu chung 03 phần di sản.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H, bà Vũ Thị L1 và chị Vũ Thị Hoài Th, anh Vũ Mạnh L2 không yêu cầu Tòa án phân chia di sản của từng người trong 03 phần di sản sở hữu chung nêu trên.

4.2. Phần di sản thừa kế cụ thể như sau:

4.2.1. Thửa đất số 222, tờ bản đồ 05 tại thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0199595 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 16/02/1995 cho cụ Vũ Văn M:

4.2.1.1. Ông Vũ Kim T được quản lý, sử dụng 150,5m<sup>2</sup> đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 9, 1, trong đó có 80m<sup>2</sup> đất ở và 70,5m<sup>2</sup> đất vườn liền kề có tổng trị giá là 1.204.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm linh bốn triệu đồng), mốc giới đất như sau:

- Phía Bắc giáp tiểu ngõ dài 26,16m;

- Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 222 dài 26,28m;
- Phía Đông giáp đường đi dài 5,5m;
- Phía Tây giáp đất của gia đình bà H dài 6m.

4.2.1.2. Bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H, bà Vũ Thị L1 và các đồng thừa kế của ông Vũ Văn T2 là chị Vũ Thị Hoài Th, anh Vũ Mạnh L2 được quản lý, sử dụng 449,5m<sup>2</sup> đất được giới hạn bởi các điểm 9, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, trong đó có 220m<sup>2</sup> đất ở và 229,5m<sup>2</sup> đất vườn liền kề có tổng trị giá 3.596.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu đồng), mốc giới đất như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất ông T được chia dài 26,28m;
- Phía Nam giáp phần đất của gia đình ông Đ dài 26,64m;
- Phía Đông giáp đường đi dài 16,67m;
- Phía Tây giáp đất của gia đình bà H và đất của gia đình ông Đ dài 17,3m.

*(Có sơ đồ kèm theo)*

4.2.1.3. Các công trình và cây cối lâm lộc trên phần đất của ai thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng.

4.3. Thửa đất ao số 233, tờ bản đồ 05, diện tích thực đo 488m<sup>2</sup> tại thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0199595 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 16/02/1995 cho cụ Vũ Văn M:

4.3.1. Ông Vũ Kim T được quản lý, sử dụng 106m<sup>2</sup> đất ao có trị giá 68.688.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 15, 2, vị trí đất như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 232 dài 10m và đất của gia đình ông H dài 0,67m;
- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 233 dài 10,64m;
- Phía Đông giáp đất của gia đình ông H dài 9,96m;
- Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 233 dài 10m.

4.3.2. Bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H, bà Vũ Thị L1 và các đồng thừa kế của ông Vũ Văn T2 là chị Vũ Thị Hoài Th, anh Vũ Mạnh L2 được quản lý, sử dụng 382m<sup>2</sup> đất ao có trị giá 247.536.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm

ba mươi sáu nghìn đồng) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 15, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 1, vị trí đất như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 232 dài 10,64m và giáp phần đất ông T được chia dài 10,64m;

- Phía Nam giáp đất của gia đình ông Kh dài 22,64m;

- Phía Đông giáp đất phần đất ông T được chia dài 10m và giáp đất của gia đình ông H dài 15,63m;

- Phía Tây giáp đất của gia đình ông Kh dài 10m và giáp thửa đất số 232, dài 9,6m.

*(Có sơ đồ kèm theo)*

4.3.3.Theo bản đồ địa chính năm 1993 thì thửa đất 233 không có lối vào nên sau khi được chia đất, các bên phải thực hiện quyền của chủ sử dụng bất động sản liền kề để mở lối đi vào thửa đất.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Vũ Thị L và các đồng thừa kế đề nghị chia thửa đất số 232, tờ bản đồ 05 tại thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H, bà Vũ Thị L1 và bà Cao Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về công san lập thửa đất ao số 233, tờ bản đồ 05 tại thôn ĐT, xã XG, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

7. Ông Vũ Kim T, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1, ông Nguyễn Mạnh H và các đồng thừa kế của ông Vũ Văn T2 là chị Vũ Thị Hoài Th và anh Vũ Mạnh L2 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia nêu trên.

8. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí đối với phần di sản được chia cho bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H bà Vũ Thị L1 và đồng thừa kế của ông Vũ Văn T2. Nhưng bà Vũ Thị L1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí, vì vậy bà Vũ Thị L chỉ phải chịu án phí đối với phần di sản được chia cho bà Vũ Thị L, ông Vũ Mạnh H và đồng thừa kế của ông Vũ Văn T2. Do các đương sự thỏa Thận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án trước khi mở phiên tòa nên bà Vũ Thị L phải chịu 50% án phí là: 44.826.520 đồng (B mươi B triệu T2 trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng), được trừ vào số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số AA/2020/006115 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Bà Vũ Thị L còn phải nộp 23.826.520 đồng (Hai mươi ba triệu T2 trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Ông Vũ Kim T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí đối với phần di sản được chia theo quy định của pháp luật.

III. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Dương sự;*
- *VKSND. huyện Sóc Sơn;*
- *Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Thị Thúy Hồng***